

ĐÔLA HÓA Ở VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. NGÔ THỊ NGỌC HUYỀN*

VN là quốc gia đang phát triển có tình trạng đôla hóa cao từ những năm đầu thập niên 90 và đặc biệt nghiêm trọng trong những năm gần đây. Mức độ đôla hóa cao không luôn là bất lợi đối với các nền kinh tế khác nhau. Thực tiễn trên thế giới thời gian qua cho thấy có những nền kinh tế đã thành công bước đầu với đôla hóa nền kinh tế để kiềm chế lạm phát như Zimbabwe hay để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài như Campuchia v.v.. Bài viết này đề cập đến các hình thức đôla hóa, những thuận lợi cũng như bất lợi của đôla hóa, thực trạng và giải pháp chống đôla hóa ở VN hiện nay.

1. Thế nào là đôla hóa?

Đôla hóa (dollarization) ở một quốc gia là hiện tượng đồng ngoại tệ được sử dụng để thay thế một hay nhiều chức năng của đồng bản tệ. Theo định nghĩa của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), một nền kinh tế bị coi là có tình trạng đôla hóa cao khi mà tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm trên 30% tổng khối lượng tiền tệ mở rộng (M2); bao gồm: tiền mặt trong lưu thông, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, và tiền gửi ngoại tệ. Có nhiều tiêu chí khác nhau để phân loại đôla hóa, có 3 cách phân loại phổ biến: đôla hóa trực tiếp và đôla hóa gián tiếp; đôla hóa hoàn toàn và đôla hóa không hoàn toàn; đôla hóa chính thức và đôla hóa không chính thức. Cụ thể:

Đôla hóa trực tiếp (direct dollarization) là khi đồng ngoại tệ được sử dụng với tư cách là đơn vị hạch toán, phương tiện thanh toán và phương tiện cất trữ giá trị (đặc biệt dưới hình thức tiền gửi và tín dụng ngân hàng). Đôla hóa gián tiếp (indirect dollarization) là tình trạng một quốc gia thực hiện phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp bằng ngoại tệ trên thị trường

quốc tế hoặc chỉ số hóa các hợp đồng nợ trong nước theo đồng ngoại tệ.

Đôla hóa hoàn toàn (full dollarization) là khi đồng ngoại tệ được coi là loại tiền tệ duy nhất được sử dụng. Đôla hóa không hoàn toàn (partial dollarization) là hiện tượng cả đồng bản tệ và ngoại tệ được sử dụng song song trong một quốc gia. Tại những nước này, ngoại tệ được sử dụng để hạch toán, dự trữ, phương tiện thanh toán và trao đổi cùng với đồng nội tệ. Ngoại tệ có chức năng như một đồng tiền hợp pháp thứ 2 của quốc gia. Bolivia và Campuchia được xem như đôla hóa hoàn toàn.

Đôla hóa chính thức (official dollarization) là khi đồng ngoại tệ được pháp luật cho phép thực hiện chức năng tiền tệ trong các giao dịch và hợp đồng tiền tệ. Như trường hợp của Panama và Ecuador, chính phủ đã chính thức từ bỏ đồng nội tệ thay thế bằng USD nên được xem là đôla hóa chính thức. Ngược lại, nếu đồng ngoại tệ không được thừa nhận về mặt pháp lý nhưng trên thực tế vẫn được thực hiện trong các giao dịch và hợp đồng tiền tệ thì được coi là đôla hóa không chính thức (unofficial dollarization).

2. Nghiên cứu đôla hóa ở một số quốc gia trên thế giới

Trong lịch sử tiền tệ quốc tế thời gian qua, có nhiều mức độ đôla hóa khác nhau ở các quốc gia.

sẽ không có giảm giá đột ngột, hoặc rút vốn ra khỏi quốc gia do lo ngại mất giá đồng tiền.

Hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu sẽ có chi phí giao dịch thấp và đảm bảo giá cả ổn định theo đôla hoặc ngoại tệ lựa chọn.

Bảng 1. Mức độ đôla hóa của một số quốc gia (% Tiền gửi ngoại tệ trên tổng tiền gửi)

	1990	1995	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	95-04
Mức độ đôla hóa cao										
Campuchia	...	92	93	92	93	95	94	95	96	94
Bolivia	82	78	92	93	92	92	92	93	87	90
Uruguay	86	79	79	81	82	85	88	89	88	84
Ecuador	13	19	37	54	100	100	100	100	100	76
Lào	18	57	76	90	85	83	71	31	33	66
Peru	46	65	64	66	68	66	73	70	68	68
Argentina	47	57	58	62	65	74	1	2	4	40
Mức độ đôla hóa trung bình										
Việt Nam		21	24	26	32	28	23	23	22	25
Nga		29	44	41	37	34	35	27	28	34
Philippines	21	25	33	32	32	31	30	31	32	31
Indonesia		20	22	19	21	20	17	16	15	19
Israel	28	19	21	19	19	19			15	19
Mức độ đôla hóa thấp										
Chilê	19	5	6	9	9	11	11	12	10	9
Trung Quốc			8	8	9	8	7	6	5	7
Hàn quốc	1	1	5	3	3	4				3
Malaysia			2	3	3	4	3	3	3	3
Thái Lan	0,1	0,3	1	1	1	1				1

Nguồn: Patricia Alvarez Plata, Alicia Garcia Herrero, DIW Berlin 12.2008 và SBV

Mức độ đôla hóa có thể phân thành 3 nhóm từ cao xuống thấp (Reinhart, 2003). Nhóm có mức độ đôla hóa cao như Campuchia, Bolivia có tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ chiếm gần 90% tổng tiền gửi ngân hàng. Trong khi đó, các quốc gia khác có mức độ đôla hóa thấp như Chile, Malaysia có tỷ lệ dưới 10%. Và mức độ đôla hóa có xu hướng mở rộng trong thời gian 2000 – 2004.

2.1. Những tác động của đôla hóa đối với các quốc gia

2.1.1 Thuận lợi

Đôla hóa giúp tránh khủng hoảng tiền tệ và cân cân thanh toán của quốc gia. Không có nội tệ

Các quốc gia lựa chọn đôla hóa nhằm kiểm soát lạm phát và tăng cường vai trò của các định chế tài chính và hấp dẫn đầu tư, cả trong nước và quốc tế.

2.1.2 Bất lợi

Đôla hóa gây nên bất ổn vĩ mô và lạm phát cao (Reinhart et al, 2003) như Argentina, Bolivia và Uruguay vào cuối thập niên 80. Đồng thời, đôla hóa làm cho chính sách tiền tệ phức tạp hơn và kém hiệu quả. Mức độ biến động tỷ giá cao do thay đổi đồng tiền theo sự thay đổi trong dự báo về cung đồng nội tệ và tác động đến thị trường tiền tệ (Calgo and Vegh, 1996).

Một quốc gia đôla hóa hoàn toàn sẽ từ bỏ bất cứ khả năng có chính sách tiền tệ và tỷ giá độc lập, bao gồm sử dụng tín dụng của ngân hàng trung ương hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng thương mại trong những tình huống cần thiết. Ngân hàng trung ương của quốc gia không còn có vai trò như vốn có. Như trường hợp của Campuchia, Ngân hàng quốc gia Campuchia (NBC) mất vai trò tác động đến thị trường tiền tệ và kiểm soát lạm phát. Sự dịch chuyển tín dụng trong khu vực tư nhân đã vượt khỏi sự kiểm soát của NBC. Tình trạng đôla hóa mở rộng buộc NBC chấp nhận chính sách tiền tệ theo Mỹ. Kết quả là, khi NBC từng bước sử dụng tỷ lệ dự trữ USD (RRR- The đôla Reserve Requirement ratio) như là công cụ của chính sách tiền tệ để kiểm soát thanh khoản, thì thực tế chứng minh là hiệu quả có giới hạn (cuối tháng 11/2010 dự trữ bắt buộc đối với USD là 12% trong khi tiền Riel chỉ là 8%). Khi RRR được điều chỉnh giảm vào đầu năm 2009 đã tạo thanh khoản cho ngân hàng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong trong giai đoạn khủng hoảng toàn cầu (Nombulelo Duma, 2011).

Chấp nhận sử dụng đồng tiền của quốc gia khác thay thế đồng tiền của mình - biểu tượng của quốc gia có thể chịu tác động xấu. Điều này có thể gây mâu thuẫn chính trị nội bộ.

Trên phương diện kinh tế, quyền phát hành tiền mang lại cho chính phủ nguồn thu từ in tiền. Như vậy, nếu nền kinh tế đôla hóa, thì lợi ích thuộc về chính phủ Mỹ và nước phát hành trừ khi có thỏa thuận chia sẻ với họ. Chi phí đôla hóa được đo lường bằng lượng đôla tiền mặt trong lưu thông nhân với lãi suất đôla (Federal Fund Rate, prime lending rate,...) hàng năm tại Mỹ. Tại Campuchia, chi phí từ 0,1 – 0,5% GDP. So với các quốc gia châu Mỹ Latinh: chi phí từ 0,5% GDP đối với Argentina đến 7,5% GDP tại Ecuador trong thời gian từ 1991-1997 (Nombulelo Duma – 2011).

2.2 Bài học kinh nghiệm về chống đôla hóa thành công của một số quốc gia trên thế giới

Kinh nghiệm về chống đôla thành công trên thế giới có thể phân thành hai nhóm (Reinhart, Rogoff, và Savatanos, 2003): nhóm thứ nhất, sử dụng biện pháp hành chính như Argentina và Mexico; Và nhóm thứ hai, áp dụng các biện pháp có tính thị trường như Israel, Balan và Pakistan... Từ những thành công này có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Chính sách điều chỉnh dần theo nguyên tắc thị trường sẽ thành công hơn. Quốc gia với chính sách nhằm giảm lạm phát và độ sâu thị trường tài chính giúp giảm tình trạng đôla hóa như Israel, Balan, Chile và Ai Cập. Những chính sách mà các quốc gia này áp dụng là (Erasmus, Leichter, và Menkulasi, 2009):

- + Xây dựng thị trường trái phiếu bằng nội tệ.
- + Công bố lãi suất thưởng trên dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ để can thiệp.
- + Giám sát sự hoạt động của các ngân hàng để đảm bảo rằng ngân hàng hoàn toàn bù đắp khoản vay ngoại tệ của họ.

Biện pháp hành chính để giảm tình trạng đôla hóa sẽ gây bất ổn vĩ mô. Dùng biện pháp hành chính để chuyển đổi ngoại tệ sang nội tệ với tỷ giá thấp hơn mức tỷ giá thị trường không đạt hiệu quả mong đợi như ở Mexico năm 1982 và 1998. Thất thoát vốn (capital flight) và tín dụng của ngân hàng khu vực tư nhân giảm một nửa trong 2 năm. Tăng trưởng bị ảnh hưởng và lạm phát tăng vọt (Reinhart, Rogoff, và Savastano, 2003). Trường hợp của Bolivia và Peru, buộc chuyển ngoại tệ sang nội tệ, gây nên sự bất ổn kinh tế vĩ mô, siêu lạm phát và sau đó cho phép gửi tiết kiệm ngoại tệ.

Chống đôla hóa không đơn giản và là một quá trình điều chỉnh tuần tự. Theo Balino, Bennett, và Borensztein (1999), chống đôla hóa thật sự khó khăn, phụ thuộc vào cơ chế thay đổi (institutional changes) và xảy ra khi có thể thu

được lợi ích khi chuyển đổi tiền tệ. Chống đôla hóa yêu cầu giảm lạm phát và chính sách ổn định vĩ mô (Erasmus, Leichter, và Menkulasi, 2009). Xây dựng niềm tin vào chính sách vĩ mô là quan trọng.

3. Thực trạng về đôla hóa ở VN hiện nay

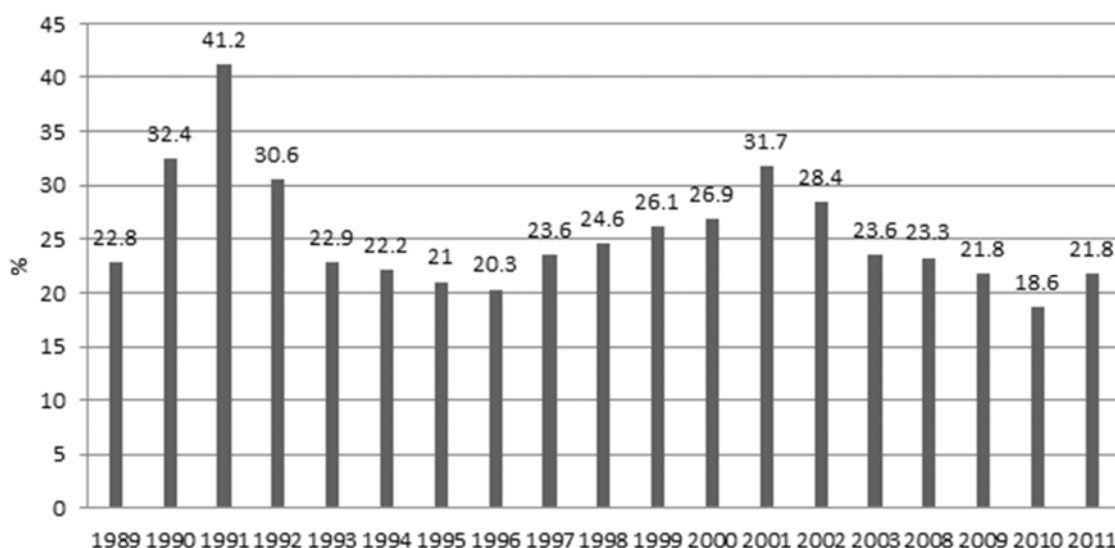
VN có tỷ trọng tiền gửi ngoại tệ trong khoảng 20% - 40% (Hình 1), thuộc nhóm nước bị đôla hóa khá cao trên thế giới và trong khu vực châu Á. Theo cách phân loại ở mục 1, VN được coi là quốc gia bị đôla hóa trực tiếp, không hoàn toàn và bán chính thức (trong tín dụng ngân hàng, trên thị trường hối đoái chính thức và trên thị trường tự do (chợ đen).

Đã có nhiều nghiên cứu về nguyên nhân của tình trạng đôla hóa của VN. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là sự yếu kém của nền kinh tế, lạm phát cao (Hình 2), kéo dài dẫn đến sự mất giá liên tục và mất lòng tin vào đồng bản tệ. Nguyên nhân thứ hai là lợi ích kinh tế thấp và sự bất tiện khi nắm giữ, sử dụng đồng bản tệ (khả năng chuyển đổi, mệnh giá thấp, khả năng thanh toán

yếu...). Nguyên nhân thứ ba là do các chính sách tạo điều kiện cho đôla hóa gia tăng (như huy động, cho vay, thu thuế, phí và thanh toán, niêm yết bằng ngoại tệ...), đây không phải là nguyên nhân trực tiếp, sâu xa, nhưng là yếu tố làm trầm trọng thêm tình trạng đôla hóa, đặc biệt là ở VN.

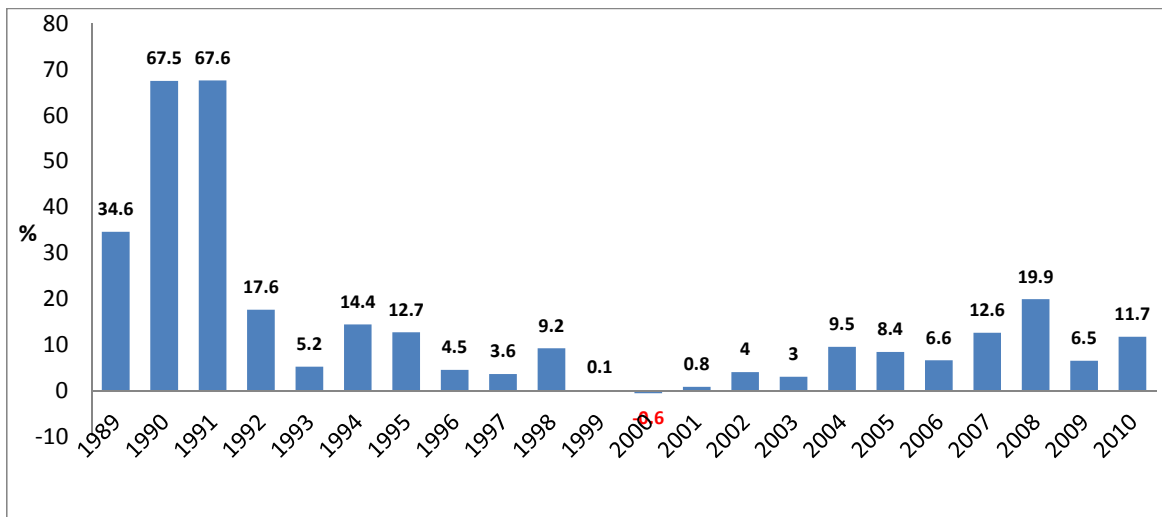
Tuy nhiên, khi phân tích mức độ đôla hóa của VN cần tính đến các đặc điểm mức độ phát triển của khu vực tài chính và hội nhập kinh tế quốc tế. Cụ thể, lạm phát năm 2010 là 11,7% so với năm 2000 là -0,6%, tuy nhiên, mức độ đôla hóa trong giai đoạn này lại có diễn biến trái chiều năm 2010 là 18,6% so với năm 2000 là 26,9%. Đặc điểm này có thể được giải thích như sau: Khu vực tài chính của VN tăng nhanh trong thời gian vừa qua, hệ thống ngân hàng mở rộng. Vì vậy, ngân hàng trở thành kênh huy động tiền VND thuận lợi hơn trước so với tiết kiệm giữ trong dân. Đồng thời, tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng khá nhanh trong giai đoạn 2000-2010: M2/GDP năm 2010 là 120% so với năm 2000 là 60%.

Đôla hóa trong một trường hợp cụ thể có thể mang lại một số lợi ích nhất định như: tăng cung



Hình 1. Tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ trên tổng tiền gửi của VN

Nguồn: Andreas Hauskrecht, Nguyen Thanh Hai, SBV



Hình 2. Lạm phát của VN trong giai đoạn 1998-2010

Nguồn: Tổng cục Thống kê VN

Bảng 2. Cán cân thanh toán – tỷ lệ đôla hóa của VN

BOP (1)	(Tỷ USD)	2009	2010	3/2011
	Cán cân vãng lai	-6,02	-4,25	-4,00
	Cán cân vốn	6,67	5,55	6,00
	Lỗi và sai sót	-10,26	-4,36	-1,00
	BOP	-9,52	-3,06	1,00
BOP (2)	(Tỷ USD)	2009	2010	3/2011
	Tổng thu ngoại tệ	97,80	118,60	238,00
	Tổng chi ngoại tệ	97,03	117,30	236,00
	Thặng dư	0,77	1,30	2,00
Tỷ lệ đôla hóa	(%)	2009	2010	3/2011
	Tiền gửi ngoại tệ +vàng/ Tổng tiền gửi	21,83	18,56	21,84
	Tiền gửi ngoại tệ +vàng/ M2	19,14	17,04	18,18

Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính

ngoại tệ, thúc đẩy chuyển hướng hàng hóa quốc tế, giảm thiểu rủi ro tỷ giá, giảm chi phí giao dịch và chi phí vốn; bảo vệ lợi ích cho người dân khi có lạm phát cao. Tuy nhiên, mức độ đôla hóa cao như VN đang gây những hệ quả rất tiêu cực đối với kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính:

- Thứ nhất, đôla hóa làm cho chính sách tiền tệ của VN bị chi phối rất mạnh bởi các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là chính sách tiền tệ của Mỹ và những biến động của thị trường tài chính quốc tế, nơi đồng USD được coi là đồng tiền đầu tư, đầu cơ chủ chốt.

- *Thứ hai*, tình trạng đôla hóa gây khó khăn trong việc dự đoán tổng phương tiện thanh toán, do đó việc đưa ra các quyết định về tăng giảm lượng tiền trong lưu thông trở nên kém chính xác. Không những thế, đôla hóa còn làm cho đồng nội tệ nhạy cảm với lãi suất thị trường quốc tế thông qua lãi suất ngoại tệ, do đó những cố gắng nhằm tác động lên tổng cầu thông qua lãi suất nội tệ kém hiệu quả.

- *Thứ ba*, hệ thống ngân hàng tại VN bị đôla hóa cả trên tài sản nợ và tài sản có. Vì vậy, nguy cơ mất cân đối về loại tiền thường xuyên xảy ra do có sự dịch chuyển liên tục giữa nội tệ và ngoại tệ tùy thuộc vào chiều hướng biến động của tỷ giá hối đoái và chênh lệch giữa lãi suất nội tệ và ngoại tệ. Do vậy, rủi ro về tỷ giá hối đoái trở thành rủi ro chéo trong hệ thống ngân hàng và toàn bộ thị trường tài chính.

- *Thứ tư*, tình trạng đôla hóa, trong điều kiện bất ổn kinh tế vĩ mô và chế độ tỷ giá hối đoái kém minh bạch càng kích thích tình trạng găm giữ ngoại tệ cả trong dân cư, doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại, gây áp lực rất lớn lên tỷ giá hối đoái và dự trữ ngoại hối của NHNN ngay cả khi nền kinh tế không bị mất cân đối về cung cầu ngoại tệ (tổng thu ngoại tệ trừ đi tổng chi ngoại tệ thặng dư).

- *Thứ năm*, với sự tham gia của vàng với tư cách là phương tiện đầu tư tin cậy (hơn USD) ở một nền kinh tế bị đôla hóa thì sự dịch chuyển và thay thế lẫn nhau giữa vàng và ngoại tệ trở nên rất dễ thực hiện. Điều này khiến cho cung, cầu ngoại tệ biến động thất thường (do nhập lậu, xuất lậu vàng) có thể gây áp lực lớn đối với cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái. VN hiện nay đang cất trữ một lượng vàng khá lớn với tổng giá trị trong khoảng từ 20 - 47 tỷ USD tương đương khoảng 1.072 tấn. Đặc biệt, khối lượng vàng này chủ yếu của tư nhân, dự trữ chính thức không đáng kể. Do đó, NHNN ít có khả

năng can thiệp của vào thị trường vàng tại VN (Tạp chí Phát triển kinh tế, tháng 2/2011).

- Ngoài ra, Bảng 2, cho thấy sai số trong cán cân thanh toán của VN quá lớn: 10,26 tỷ USD năm 2009, 4,36 tỷ năm 2010 và ước tính năm 2011 là 1 tỷ USD. Nguyên nhân của tình trạng trên phần lớn do các tổ chức hoặc cá nhân mua USD trên thị trường tự do để nhập lậu vàng. Và lượng vàng này lại được cất trữ trong dân thay vì vào hệ thống ngân hàng. Hiện tượng này làm cho cán cân thanh toán thâm hụt, dẫn đến suy giảm nghiêm trọng dự trữ ngoại tệ, làm cho tình trạng đôla hóa trầm trọng hơn nhưng quan trọng hơn là tình trạng này lại diễn ra bên ngoài hệ thống ngân hàng.

4. Giải pháp đề xuất về chống đôla hóa đối với VN hiện nay

Như vậy, tình trạng đôla hóa ở VN đã làm giảm chất lượng hoạch định và hiệu quả thực thi chính sách tiền tệ, gây khó khăn lớn cho công tác giám sát các định chế tài chính, tạo ra rủi ro rất lớn đối với hệ thống ngân hàng và toàn bộ thị trường tài chính.

Do lo ngại về những rủi ro mang tính hệ thống (khủng hoảng cán cân thanh toán và khủng hoảng ngân hàng) các nước đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ hoàn toàn tình trạng đôla hóa, có thể chia thành 3 nhóm giải pháp:

Nhóm giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, bao gồm các biện pháp thắt chặt tài khóa và tiền tệ hợp lý nhằm kiểm soát tổng cầu, chống lạm phát, tăng giá trị thực và giá trị danh nghĩa của đồng nội tệ.

Nhóm giải pháp dựa trên các công cụ thị trường, bao gồm: Chính sách tỷ giá linh hoạt hai chiều nhằm chống găm giữ và đầu cơ ngoại tệ; sử dụng các công cụ tiền tệ nhằm

tạo ra chênh lệch hợp lý giữa lãi suất ngoại tệ và nội tệ theo hướng có lợi cho đồng nội tệ; phát triển các công cụ phái sinh (hợp đồng kỳ hạn, giao sau, quyền chọn ngoại tệ, hoán đổi tiền tệ...) để phòng ngừa rủi ro hối đoái, xây dựng thị trường ngoại hối hiện đại.

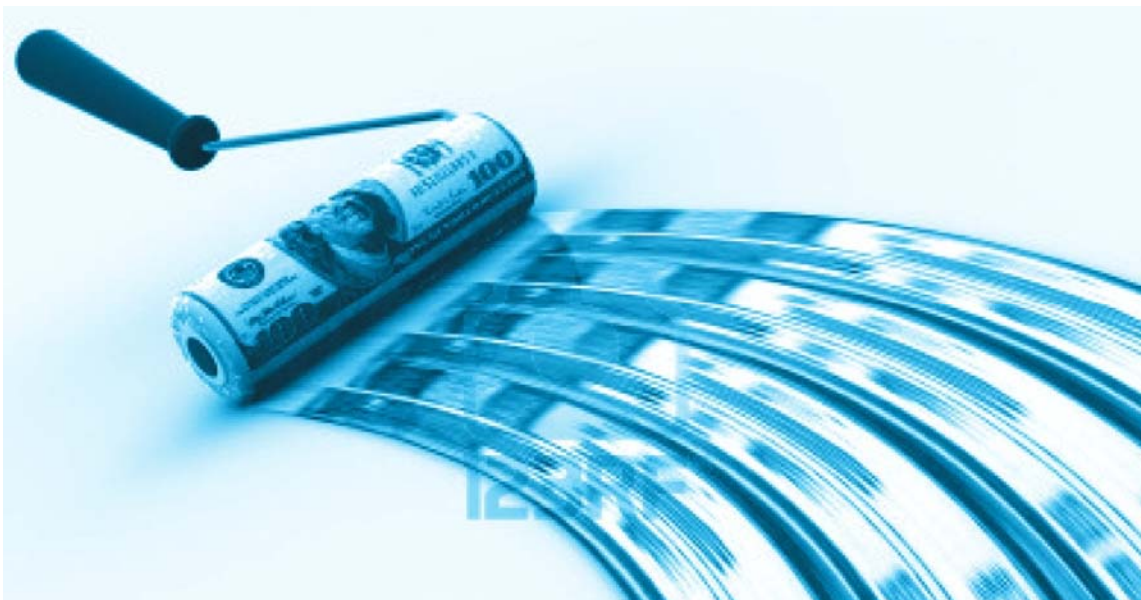
Nhóm giải pháp hành chính, bao gồm: quy định kết hối ngoại tệ bắt buộc; cấm sử dụng ngoại tệ để thanh toán trên thị trường nội địa; quy định hạn mức tiền gửi và cho vay ngoại tệ (Angola, Argentina, Isarel, Lebanon, Thổ Nhĩ Kỳ). Tuy nhiên, một số biện pháp hành chính như bắt buộc chuyển đổi tiền gửi ngoại tệ thành nội tệ hoặc phong tỏa có kỳ hạn các tài khoản tiền gửi ngoại tệ nhằm ngăn chặn người rút tiền trong một thời hạn nhất định đã không có hiệu quả (Bolivia, Mexico, Peru) thậm chí làm gia tăng tình trạng đảo ngược luồng vốn nước ngoài, gây đổ bể một số định chế tài chính.

Như vậy, việc chống đôla hóa là một quá trình phức tạp, cần phối hợp đồng bộ ưu tiên trước hết các biện pháp kinh tế và công cụ của chính sách tiền tệ, tài khóa đồng thời cần có các biện pháp hành chính để bổ trợ với liều lượng và thời điểm hợp lý, đặc biệt đối

với những nước có mức độ đôla hóa như VN.

Từ những phân tích nói trên, việc chống đôla hóa ở VN muốn có hiệu quả cần phải được thực hiện đi kèm với một số kế hoạch ổn định kinh tế vĩ mô mạnh mẽ. Cụ thể là trên nền tảng thực hiện nhất quán các biện pháp đã được quy định trong Nghị quyết 11 của Chính phủ. Đồng thời, để chống đôla hóa hiệu quả trong điều kiện hiện nay, VN cần áp dụng các biện pháp đặc biệt khác, cụ thể:

Thứ nhất, các biện pháp kinh tế: (1) Từng bước tăng dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ phù hợp với tình trạng thanh khoản của các ngân hàng thương mại để giảm lãi suất huy động và tăng lãi suất cho vay ngoại tệ; (2) điều chỉnh trạng thái ngoại tệ từ $\pm 30\%$ vốn điều lệ hiện nay xuống còn $\pm 20\%$ để chống găm giữ và đầu cơ ngoại tệ từ các ngân hàng thương mại; (3) quy định giảm dần trần lãi suất tiền gửi ngoại tệ phù hợp với tiến độ điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc, nhằm hạn chế tiền gửi ngoại tệ và khuyến khích chuyển sang tiền gửi VND; (4) thực hiện chế độ tỷ giá thả nổi dựa trên cơ sở tỷ giá giao dịch ngày hôm trước do Ngân hàng Nhà nước công bố khung phí giao dịch giao dịch ngoại tệ, hình



thành thị trường ngoại hối chính thức minh bạch, hiện đại; (5) phát triển thị trường phái sinh.

Thứ hai, các biện pháp hành chính: (1) Bắt buộc các doanh nghiệp nhà nước kết hối ngoại tệ nhằm chống tình trạng găm giữ ngoại tệ; (2) hạn chế cho vay bằng ngoại tệ đối với khách hàng không có khả năng cân đối ngoại tệ; (3) bắt buộc chuyển tiền gửi ngoại tệ của doanh nghiệp sang tài khoản tiền gửi không kỳ hạn với lãi suất rất thấp hoặc bằng 0; (4) kiểm soát và xử lý nghiêm các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ trên thị trường nội địa (kể cả thu phí, niêm yết bằng ngoại tệ); (5) kiểm soát việc mua bán ngoại tệ trên thị trường chợ đen, tiến tới chấm dứt nhận tiền gửi và cho vay ngoại tệ khi lạm phát được kiểm soát; (6) bổ sung, sửa đổi các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành, kể cả kiểu hối theo hướng chuyển toàn bộ cơ chế tiền gửi và cho vay sang cơ chế mua bán ngoại tệ trên thị trường hối đoái chính thức.

Như vậy, đôla hóa ở VN đã diễn ra trong thời gian dài và đã có những tác động nhất định đối với kinh tế vĩ mô. Những tác động bất lợi có ảnh hưởng lâu dài đối với nền kinh tế. Vì vậy, một chiến lược và chính sách phù hợp để giảm tình trạng đôla hóa cần được suy nghĩ một cách nghiêm túc và thực hiện kết hợp cả biện pháp hành chính và biện pháp theo nguyên tắc thị trường để giảm tác động bất lợi, góp phần ổn định thị trường tài chính tiền tệ và ổn định kinh tế vĩ mô ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andreas Hauskrecht & Nguyen Thanh Hai (2004), "Dollarization in Vietnam", Paper prepared for the 12th Annual Conference on Pacific Basin Finance, Economics, Accounting, and Business, Bangkok, August 10-11.
2. Dibooğlu, Selahattin, and Aykut Kibritçioglu (2004), "Inflation, Output Growth, and Stabilization in Turkey, 1980-2002," Journal of Economics and Business, vol. 56, no.1, pp. 43-61.

3. Edwards, Sebastian (2003), "Dollarization: Myths and Realities," in Salvatore, Dominick et al., (eds.), The Dollarization Debate, New York, NY: Oxford University Press, Inc.

4. Ize, a., and E. Yeyati, (2005), "Financial De-dollarization: Is it for Real?" IMF Working papare No. 187, (Washington: International Monetary Fund).

5. Lê Xuân Nghĩa "Vàng và quản lý thị trường vàng" Tạp chí Phát triển kinh tế tháng 2/2011.

6. Lily I. Daniel, "Dollarization in Argentina" Duke University, Durham, NC April, 2001.

7. Nombulelo Duma, "Dollarization in Cambodia: Causes and Policy Implications" IMF Working paper WP/11/49 (Washington: International Monetary Fund) March, 2011.

8. Patricia Alvarez Plata & Alicia Garcia Herro "To Dollarize or De-dollarize: Consequences for Monetary Policy" Discussion Paper No 842, DIW Berlin.

9. Bogetic, Zeljko (2000), "Official Dollarization: Current Experiences and Issues," Cato Journal 20(2), p.179-213.

10. Goldfajn Ilan and Gino Olivares (2001), "Full Dollarization: The Case of Panama," Economia 1(2), pp.3-29

11. Mercedes García-Escribano and Sebastián Sosa, "What is Driving Financial De-dollarization in Latin America?" IMF Working paper WP 11/10 (Washington: International Monetary Fund)

12. Unterroberdoerster, O. (2002), "Foreign Currency Deposits in Vietnam – Trends and Policy Issues," Vietnam: Selected Issues and Statistical Appendix, IMF Staff Country Report No.02/5 (Washington: International Monetary Fund).

13. Website <http://thitruongvietnam.com.vn>, <http://www.imf.org/external/pubs/ft/issues/issues24/>, <http://www.drclas.harvard.edu/revista/articles/view/474>